

Đơn vị: **PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. BIÊN HÒA**

Chương: **626**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PTNMT ngày /08/2023  
của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
1	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
2	<b>Phí</b>	<b>0</b>
	Phí bảo vệ môi trường (nước thải công nghiệp)	
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận QSDĐ	
3	<b>Thu khác</b>	<b>0</b>
	Xử phạt VPHC trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản	
	Xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
2	<b>Phí</b>	<b>0</b>
	Phí bảo vệ môi trường (nước thải công nghiệp) (75%)	<b>0</b>
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận QSDĐ (100%)	<b>0</b>
3	<b>Xử phạt VPHC</b>	<b>0</b>
	Xử phạt VPHC trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản	
	Xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.223.425.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>20.400.000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>
	+ Thanh toán cá nhân	
	+ Kinh phí hoạt động thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	<b>20.400.000</b>
	+Trợ cấp tết theo QĐ số 38/QĐ-UBND ngày 06/1/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai	20.400.000
2	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>4.203.025.000</b>
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>4.203.025.000</b>
2.1.1	+Kinh phí chi nhiệm vụ xử lý nước thải sinh hoạt tại Trạm xử lý nước thải số 1 do chênh lệch so với quyết toán năm 2018	118.524.000
2.1.2	+Kinh phí thanh toán đối với khối lượng rác còn lại của giai đoạn trước khi lựa chọn nhà thầu năm 2022	4.084.501.000
2.2	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>0</b>
2.2.1	Kinh phí phòng chống dịch năm 2021 không có nhu cầu sử dụng	
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	<b>Chi sự nghiệp địa chính</b>	<b>0</b>

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	